

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2025
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Chuyên và bà Lê Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Trịnh Đức T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Đức T đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 22 tháng 4 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, có nhiều bất đồng, không có tiếng nói chung dẫn đến hay xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải, vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến cuộc

sống riêng của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Đức T.

Về nuôi con: Chị và anh Trịnh Đức T có hai con chung là cháu Trịnh Hà T1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2011 và cháu Trịnh Đức Tiến Đ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2014, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1, anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ. Chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với ý kiến của chị L về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh không bổ sung thêm gì. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn.

Về nuôi con: Anh thống nhất với chị L, anh chị có hai con chung như chị L trình bày, anh đồng ý với đề nghị về việc nuôi con của chị L.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trịnh Đức T có nơi thường trú tại Thôn 3, xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; nguyên đơn và bị đơn anh có đơn thoả thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết ly hôn. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái cấp ngày 22 tháng 4 năm 2011 thể hiện việc kết hôn giữa chị Nguyễn Hồng L và anh Trịnh Đức T là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai, các đương sự đều thể hiện hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không còn tồn tại, cùng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do các đương sự từ chối hoà giải và không tham gia phiên toà nên không thể công nhận sự thoả thuận của các đương sự nhưng cần căn cứ vào quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Nguyễn Hồng L và anh Trịnh Đức T.

[2.2] Về nuôi con: Chị Nguyễn Hồng L, anh Trịnh Đức T có hai con chung là cháu Trịnh Hà T1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2011 và cháu Trịnh Đức Tiến Đ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2014. Cháu T1 hiện đang sống cùng chị L và có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Đ hiện đang sống cùng anh T và có nguyện vọng ở với bố. Chị L và anh T thống nhất giao cháu T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L, anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Thoả thuận của các đương sự về nuôi con là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do các đương sự thoả thuận được với nhau về ly hôn nên mỗi đương sự phải chịu 25% án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng x 25% = 75.000 đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Hồng L và anh Trịnh Đức T.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Hồng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Hà T1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2011. Giao cho anh Trịnh Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Đức Tiến Đ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2014. Chị L, anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Hồng L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 75.000 đồng, được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2024/0001646 ngày 26/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, chị L được trả lại số tiền 225.000 đồng.

- Anh Trịnh Đức T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 75.000 đồng (anh T chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Hồng L, anh Trịnh Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP.Yên Bái;
- Chi cục THADS TP.Yên Bái;
- Đường sự (02);
- UBND xã T, TP.Yên Bái
(GCNKH số 12 ngày 22/4/2011);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hoàng Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoàng Hải

